

Bản án số: 34/2020/HS-PT

Ngày: 24/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Anh Dân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế

Bà Trần Thị Nhài

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 04/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác Phạm Thanh T), do có kháng cáo của bị cáo H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 87/2019/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn H, tên gọi khác: Phạm Thanh T, sinh ngày 07/5/1999. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu dân cư KM I, phường VĐ, thành phố CL, tỉnh H4 Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; không xác định được bố, con bà: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1976, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 535/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo quy định tại khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo (do gia đình bị cáo và bị cáo mời): Ông Bùi Việt A và ông Trương Toàn T1 – Luật sư văn phòng luật sư QTBA đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Diệp Mạnh L là người lao động tự do, làm dịch vụ xin cấp Visa cho người Việt Nam đi du lịch tại Trung Quốc và Đài Loan, Nhật Bản...qua đó đã quen biết với một người phụ nữ tên là H2 (L không biết họ và địa chỉ cụ thể vì chỉ quen qua mạng xã hội facebook) và Nguyễn Ngọc L1. Khoảng tháng 9/2018. H2, L1 điện thoại cho L bàn việc tổ chức đưa những người Việt Nam trước đây lao động tại Đài Loan đã bị trục xuất về nước, nay muốn trốn sang Đài Loan lao động bất hợp pháp. L và H2 thống nhất, nếu có người muốn trốn sang Đài Loan, L sẽ chịu trách nhiệm làm các thủ tục giấy tờ và tổ chức đưa người đi qua biên giới, chi phí đưa một người đi là khoảng từ 130.000.000đ đến 140.000.000đ/người (*Một trăm ba mươi đến một trăm bốn mươi triệu đồng/người*) tương đương 6.000 đến 6.500 USD/người. Khi đến Đài Loan, H2 và L1 có trách nhiệm đón và sắp xếp cho họ lao động bất hợp pháp tại Đài Loan, mỗi người đi trót lọt thì H2, L1 sẽ được H tiền VNĐ tương đương với 1.000 (một nghìn) Đô la Mỹ (USD)/người tại thời điểm đó, dưới hình thức thuê xe đưa đón người tại Đài Loan. Việc tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài, L nói chuyện với Đào Văn H3 là bạn của L biết, nhưng không thỏa thuận gì với H3.

Sau khi đã thỏa thuận, trong tháng 10/2018 H2 đã môi giới cho L 05 người để tổ chức trốn đi Đài Loan gồm:

1. Đậu Thị Kim O, sinh năm 1971, trú tại xóm 1 DK, xã HL, huyện LN, tỉnh Hà Nam.

2. Ngô Văn Đ, sinh năm 1992

3. Nguyễn Nhật T2, sinh năm 1990

Cùng trú tại xóm 4, xã TS, huyện TS, tỉnh Nghệ An.

4. Nguyễn Thị H4, sinh năm 1964, trú tại xóm TT, xã TXT, huyện C Mỹ, thành phố Hà Nội.

5. Đặng Thiên S, sinh năm 1985, trú tại xóm 12, xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

L1 môi giới Lê Thị V (tên gọi khác là Lê Thị Hù), sinh năm 1983, trú tại xóm T3 2, xã SC, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên để L tổ chức cho V trốn sang Đài Loan.

Riêng Trần Ngọc C, sinh năm 1988, trú tại xã CĐ, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh, được một người tên là H5 (không rõ họ, địa chỉ) lao động ở Đài Loan giới thiệu và cho số điện thoại của L nên C tự liên hệ với L.

Sau khi được H2 và L1 môi giới số người trên, L đã liên hệ với Đỗ Văn T4 là người quen của L đang làm nghề tự do ở khu vực cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn, đặt vấn đề với T4 tổ chức đưa người sang Đài Loan. T4 nhận lời và điện cho Đặng Văn C1,

là người quen của T4 đang ở Trung Quốc, C1 nói sẽ tổ chức đưa đi bằng hình thức sang Trung Quốc du lịch, từ đó làm thẻ thuyền viên lên tàu đánh cá của Trung Quốc trốn sang Đài Loan bằng đường biển, chi phí đưa một người trốn sang Đài Loan là khoảng 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) tiền Việt Nam (VNĐ). Cũng trong thời gian này, L điện cho Nguyễn Văn H là người quen của L ở Hải Dương, đặt vấn đề tổ chức đưa những người đã bị Đài Loan trục xuất về Việt Nam muốn trốn sang Đài Loan lao động. H nhận lời và nói sẽ thông báo sau.

Theo H khai, sau khi nhận lời với L, H đã vào mạng “đưa người sang Trung Quốc” để tìm hiểu, và có được nick Wechat của một người phụ nữ tên là “L” của nhà xe Mai Linh, H nhắn tin hỏi L có đưa người trốn sang Đài Loan được không, L nói là sẽ đưa đi với hình thức sang Trung Quốc bằng Visa du lịch, từ Trung Quốc làm thẻ thuyền viên lên tàu cá trốn sang Đài Loan, giá là 800 USD/người (tám trăm đô la Mỹ một người), mọi rủi ro trên Đ đi từ Trung Quốc sang Đài Loan “L” không chịu trách nhiệm, H đồng ý sau đó gọi điện cho Diệp Mạnh L nói là sẽ tổ chức đi với giá tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)/người, chưa bao gồm chi phí xin cấp Visa, mọi rủi ro trên đường đi từ Trung Quốc sang Đài Loan H không chịu trách nhiệm.

Do thấy giá đưa người đi của H thấp nên L đồng ý rồi thông báo với H2, L1 và những người có nhu cầu trốn sang Đài Loan về cách thức trốn sang Đài Loan như H đã nói với L, nộp 02 ảnh cá nhân 4 x 6, bản phô tô Chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu, hộ chiếu gốc để làm Visa. Thời gian đi L sẽ báo cho mọi người biết. H2, L1 và những người đi đều nhất trí.

Thực hiện ý định trên trong tháng 11 và tháng 12/2018, L đã hai lần tổ chức cho 10 người trốn sang Đài Loan, thỏa thuận giữa L và mọi người là 6000 USD/người, riêng Nguyên là 6.500 USD và V là 5500 USD. Trong đó: Lần 1 có 07 người đi, lần 2 có 03 người đi. Cụ thể từng lần như sau:

Lần thứ nhất: Từ ngày 27/10/2018 đến ngày 11/11/2018, có 07 người đã nộp tiền đặt cọc cho L để L tổ chức cho họ trốn đi Đài Loan thông qua việc chuyển tiền VNĐ vào tài khoản ngân hàng của L, nộp trực tiếp cho L và nộp thông qua Đào Văn H3 để H3 đưa cho L. Các tài khoản được L nhận đặt cọc tiền của mọi người gồm: tài khoản Vietcombank mang tên “Nguyễn Duy Tường” là bạn của L, (L khai do Tường không dùng đến tài khoản này nên cho L mượn), Vietinbank, Techcombank là tài khoản mang tên Diệp Mạnh L. 07 người này gồm: O, H4, V, Đ, S, T2, C mỗi người nộp 1.300 USD quy ra tiền VNĐ theo tỷ giá tương đương tại thời điểm đặt cọc. Ngoài ra có Trần Thị H6 đặt cọc 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng về sau H6 không đi nữa.

Số tiền L nhận đặt cọc của 8 người quy đổi ra tiền Việt Nam cụ thể như sau: O và H4, mỗi người 31.140.000đ (nộp thông qua H3, sau đó H3 đã chuyển vào tài khoản cho L và đưa trực tiếp cho L đủ số tiền này), Đ, S, T2 mỗi người 30.550.000đ, C 29.900.000đ, V 30.247.000đ, H6 10.000.000đ.

Sau khi nhận đủ số tiền đặt cọc và giấy tờ để làm visa, L đã điện cho H và chuyển giấy tờ để làm thủ tục xin cấp Visa cho 07 người trên sang Trung Quốc theo hình thức đi du lịch trong thời hạn 15 ngày. H yêu cầu L đặt cọc tiền để làm thủ tục và nói cho L biết việc nhờ Nguyễn Phúc D, sinh năm 1983, trú tại LĐ, phường HL, quận HM, TP Hà Nội, là người quen của H và L, làm dịch vụ xin cấp Visa cho 07 người trên. Ngày 11/11/2018 H điện cho người tên “L” thì được biết chính quyền Đài Loan kiểm soát chặt nên không đưa người trốn đi Đài Loan được, lúc này H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của L. H hẹn L ngày 21/11/2018 sẽ đón người tại cửa khẩu Móng Cái- Quảng Ninh để sang Trung Quốc.

Theo yêu cầu của H, ngày 09/11/2018, L đã chuyển vào tài khoản Vietinbank của H 10.000.000đ (mười triệu đồng); ngày 19/11/2018 L đã chuyển vào tài khoản của H số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); ngày 20/11/2018, L chuyển tiền vào tài khoản của H 2 lần, một lần 4.000.000đ (L chuyển) và một lần 7.000.000đ (do N là bạn của L chuyển theo chỉ đạo của L), tổng là 11.000.000đ (mười một triệu đồng). Tổng cộng, L đã chuyển cho H 61.000.000đ (sáu mươi một triệu đồng). Trong đó, H đã chuyển cho Nguyễn Phúc D 8.000.000đ để làm visa.

Theo như H đã hẹn, L báo cho 07 người trên ngày 17/11/2018 tập trung tại nhà nghỉ Châu Á, địa chỉ số 02 ngõ 111 phố NX, quận TX, thành phố Hà Nội để đi. Do đang ở Đài Loan nên L gọi điện nhờ Đặng Thị N, Đào Văn H3 (N là bạn gái của L, H3 là bạn thân của L) đón hộ nhóm người trên, thuê xe ô tô đưa đến cửa khẩu Móng Cái giao cho H, đồng thời thu tiền còn thiếu của mọi người (mỗi người 6000 USD theo thỏa thuận, trừ đi 1.300 USD đã đặt cọc, còn lại 4.700 USD/người). H3 và N biết rõ L tổ chức đưa những ngày này đi Đài Loan trái phép nhưng vẫn đồng ý giúp L.

Đêm 19/11/2018 H3 thuê xe ô tô rồi cùng với N đưa nhóm 7 người trên đến Móng Cái và điện cho L, L nói cứ thuê nhà nghỉ ở để đợi. Tối 20/11/2018, theo chỉ đạo của L, tại nhà nghỉ ở Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, H3 và N đã thu hết điện thoại di động của mọi người với lý do để đảm bảo giữ bí mật trong chuyến đi và thu tiền của những người sau:

Thu của chị Đậu Thị Kim O, chị Nguyễn Thị H4 và anh Đặng Thiên S mỗi người 109.742.000đ (một trăm L chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn), tương đương 4.700 USD/người; thu của anh Nguyễn Nhật T2 và anh Ngô Văn Đ, mỗi người 63.072.000đ (sáu mươi ba triệu không trăm bảy mươi hai nghìn), tương đương 2.700 USD/người; thu của anh Trần Ngọc C 73.600.000đ (bảy mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), tương đương 3.200 USD; thu của chị Lê Thị V 39.729.000đ (ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn đồng), tương đương 1.700 USD.

Ngoài ra, ngày 21/11/2018, anh C còn nhờ chị gái là Trần Thị P chuyển vào tài khoản cho L 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), tương đương khoảng 2.000 USD.

Trong số tiền mà H3 và N thu hộ, L xác nhận ngày 21/11/2018 H3 đã chuyển vào tài khoản của L 445.000.000đ, N đã chuyển vào tài khoản của H 7.000.000đ và chuyển vào tài khoản của L 80.000.000đ, số còn lại N và H3 chi phí ăn ở đi lại cho 07 người.

Theo thỏa thuận của L với H, H sẽ đưa 7 người nhập cảnh qua cửa khẩu Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh nhưng sau khi H nhận tiền đặt cọc của L, biết mình không thể đưa mọi người đi Đài Loan như đã hứa nên H tắt máy, không nghe điện thoại từ L nữa và đi lên Tam Đảo thuộc tỉnh Vĩnh Phúc chơi. Số tiền chiếm đoạt của L, H chi tiêu cá nhân.

Khi biết bị H lừa, L đã điện thoại cho T4 và C1 để đưa người sang Trung Quốc, C1 cho L nick Wechat của người Trung Quốc tên APinh, là chủ của C1 và cũng là chủ tàu đã thỏa thuận với C1 đưa người trốn sang Đài Loan để L liên hệ. Sau khi trao đổi, các đối tượng thống nhất, T4 sẽ đón người tại cửa khẩu Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn, nhận tiền đặt cọc của L rồi chuyển lại cho C1. C1 sẽ bố trí phương tiện đón người từ cửa khẩu Hữu Nghị đi tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc và làm thẻ thuyền viên cho 07 người lên tàu để vượt biên sang Đài Loan.

Sáng 21/11/2018, L thuê xe và bảo N đưa 7 người từ Móng Cái, Quảng Ninh lên Lạng Sơn, đồng thời L thông báo cho T4 biết sẽ thuê Nông Bá L1, sinh năm 1981, trú tại huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn lái xe ô tô đón tại ngã tư Mỹ Sơn, thành phố Lạng Sơn, đưa đến cửa khẩu Hữu Nghị để nhập cảnh vào Trung Quốc. Do có quen L1 từ trước nên T4 gọi điện bảo L1 khi nào đến cửa khẩu Hữu Nghị thì L1 gọi điện thông báo cho T4 biết. L điện cho D chuyển visa của 07 người lên ngã tư Mỹ Sơn đưa cho N. Tại đây, N đưa hộ chiếu, visa cùng điện thoại cho 07 người và trả tiền xe cho L1 rồi quay về Hà Nội. T4 chụp ảnh của từng người rồi gửi qua Wechat cho C1 để đón bên Trung Quốc. C1 cho T4 số điện thoại của một người Trung Quốc tên là A Lâm- là người của C1 và A Pinh, để khi T4 đưa mọi người nhập cảnh vào Trung Quốc, A Lâm sẽ đón, sau đó 07 người tự làm thủ tục nhập cảnh vào Trung Quốc. C1 gọi điện cho T4 và L, thông báo là đã đón được người đưa sang tỉnh Bằng Tường, Trung Quốc để đợi tàu trốn sang Đài Loan, đồng thời C1 yêu cầu L phải đặt tiền cọc 185.000.000đ (một trăm tám mươi lăm triệu đồng) thì mới đưa người đi tiếp, L hẹn ngày 23/11/2018 sẽ đưa tiền đặt cọc, Chung nói đưa tiền cho T4, đồng thời điện cho T4 nói nhận số tiền này rồi đổi sang tiền NDT rồi chuyển cho A Lâm là người của C1, T4 đồng ý.

Ngày 22/11/2018 L từ Đài Loan về Hà Nội, ngày 23/11/2018 lên cửa khẩu Chi Ma, tỉnh Lạng Sơn để gặp T4, tại đây L cùng T4 đổi 185.000.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam được 60.000 NDT, một mình T4 mang số tiền trên đến khu vực cột mốc số 27 giao cho A Lâm theo chỉ dẫn của C1. Còn L đưa cho Lành Đức Đ1, sinh năm 1992, trú tại xã HĐ, thành phố Lạng Sơn- là người quen của L, làm dịch vụ đổi tiền từ tiền Việt Nam đồng sang Nhân dân tệ và dịch vụ chuyển cho người bên Trung Quốc số tiền 372.000.000đ (ba trăm bảy mươi hai triệu đồng) và dặn khi nào L yêu cầu thì đổi sang tiền NDT và chuyển vào tài khoản của APinh, sau đó L quay lại cửa khẩu Hữu

Nghị nhập cảnh vào Trung Quốc. L được người của APinh đón và đưa đến một khách sạn tại tỉnh Bằng Tường gặp 7 người, tại đây APinh yêu cầu L nộp 20.000 NDT tương đương 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), đồng thời thu điện thoại của 06 người giao cho một người phụ nữ là người của APinh giữ để tránh bị phát hiện khi di chuyển, L yêu cầu cho anh S được dùng điện thoại để giữ liên lạc với L, sau đó APinh tiếp tục đưa 07 người đi tỉnh Phúc Kiến, còn L quay lại Bằng Tường để đợi vì A Pinh nói rằng L không đi Đài Loan thì không được đi tiếp cùng đoàn.

Sáng 25/11/2018, L gọi điện cho APinh thì APinh nói là đã làm xong thẻ thuyền viên cho 07 người và đang đợi để lên tàu, đồng thời yêu cầu L phải chuyển đủ 90.000.000đ/người. L điện cho Đ1 yêu cầu đổi 372.000.000đ tiền VNĐ sang tiền Trung Quốc (NDT) rồi chuyển vào tài khoản của APinh, Đ1 chuyển tiền rồi chụp ảnh gửi qua Wechat cho L biết, phí chuyển tiền là 2.000.000đ (hai triệu đồng), Đ1 chuyển đi 370.000.000đ. Khoảng 10 giờ ngày 25/11/2019, APinh điện cho L nói chủ tàu đi Đài Loan bị bắt chưa đi được và đã đưa 7 người về T Quán, Quảng Đông đợi để đi đợt sau. Mọi người đòi tiền L, L đòi A Pinh nhưng A Pinh nói không lấy lại được tiền, nếu L đồng ý thì A Pinh sẽ bố trí cho đi đợt sau, cả 07 người đều đồng ý sau khi nghe L thông báo lại như vậy. L gửi cho APinh tiền ăn nghỉ cho 7 người rồi bảo S đưa mọi người quay trở lại Bằng Tường vì chi phí ở nhà nghỉ mà mọi người đang ở đắt. Ngày 04/12/2018 do visa hết hạn nên 7 người trên về nhà nghỉ Châu Á, địa chỉ ngõ 111 phố NX, quận TX, TP. Hà Nội đợi để L tổ chức đi tiếp.

Do chi phí ăn ở nhà nghỉ Châu Á đắt nên 04 người gồm H4; O; V; C đến nơi H3 thuê trọ tại 231 VTP, quận TX ở trọ, số còn lại về quê đợi.

Sau khi tổ chức cho 09 người trốn đi Đài Loan không thành, L yêu cầu T4 và APinh trả tiền nhưng không được, ngày 18/2/2019 anh N2 cùng 08 người đã gửi đơn tố giác L tới Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên.

Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã triệu tập Diệp Mạnh L; Đặng Thị N; Đào Văn H3; Nguyễn Ngọc L1; Đỗ Văn T4; Nguyễn Văn H đến Cơ quan điều tra để làm rõ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định tổng số tiền mà L đã nhận của mọi người trong 02 lần tổ chức trốn đi nước ngoài là: 957.876.000đ (gồm tiền đặt cọc qua tài khoản, tiền L thu trực tiếp và tiền H3 và N thu rồi chuyển cho L). Số tiền còn lại của những người nộp chưa đủ theo thỏa thuận, L yêu cầu mọi người đổi sang tiền Nhân dân tệ rồi đưa cho anh S nộp trực tiếp cho chủ tàu người Trung Quốc, L không được cầm số tiền này. Trong số tiền L thu nêu trên, L khai đã chi các khoản gồm: Chuyển cho H 61.000.000đ, chuyển cho anh D 37.000.000đ để làm visa, chuyển cho T4 và C1 185.000.000đ, chuyển cho A Pinh một lần 70.000.000đ và một lần 372.000.000đ, chi ăn ở, đi lại, sinh hoạt trong hai đợt ở Trung Quốc là 99.000.000đ, chi phí ăn ở, xe đi lại ở Việt Nam trong hai đợt (N chi) là 18.200.000đ; gửi về cho vợ là chị Vũ Thị H7 136.000.000đ, trong đó có 68.000.000đ là tiền L vay riêng của N và H3 nên chỉ tính số

tiền mà L sử dụng từ khoản thu của mọi người là 136.000.000đ - 68.000.000đ = 68.000.000đ. Như vậy, L đã chi hết 910.200.000, trong đó số tiền L gửi về cho vợ (68.000.000đ) không nằm trong chi phí phục vụ cho việc tổ chức đi nước ngoài. Số tiền còn lại sau khi chi vào các khoản trên là: 957.876.000đ – 910.200.000đ= 47.676.000đ. Số tiền L thu lời bất chính là: 68.000.000đ (tiền gửi cho vợ) + 47.676.000đ =115.676.000đ

Tại cơ quan điều tra, ông Diệp Văn T5 đã tự nguyện nộp 10.000.000đ để bồi thường khắc phục hậu quả cho Diệp Mạnh L, bà Nguyễn Thị T6 là bà ngoại của H đã tự nguyện nộp 61.000.000đ là số tiền H chiếm đoạt của L để khắc phục hậu quả cho H. Tại phiên tòa, ông T5 xác định việc ông nộp là tự nguyện, không có sự tác động của L; bà T6 xác định do H tác động và nhấn bà nộp cho H. Cả ông T5 và bà T6 đều không có yêu cầu gì về số tiền đã nộp cho các bị cáo.

Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ một số vật chứng liên quan đến vụ án.

Với hành vi trên bản án hình sự sơ thẩm số 87/2019/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định: Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với 09 tháng tù tại Bản án số 535/2019/HS-ST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, buộc bị cáo PH4 chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 51 (năm mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2019. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Ngoài ra bản án còn quyết định xử phạt bị cáo Diệp Mạnh L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Bị cáo Đỗ Văn T4 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; Bị cáo Đào Văn H3 06 (sáu) năm tù; Bị cáo Đặng Thị N 06 (sáu) năm tù; Nguyễn Ngọc L1 05 (năm) năm tù về tội “Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài” và tội “Môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài”.

Đối với hai chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo H, Tòa sơ thẩm quyết định: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động của Nguyễn Văn H, nhãn hiệu IPHONE XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, có 02 số IMEI: 358734092858085 và 358734093200659, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao: 0866670003, seri sim: 8984048000049943418 và số thuê bao: 0971978020, seri sim: 8984048000047629532, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A; 01 (một) điện thoại di động màu da cam của Nguyễn Văn H, nhãn hiệu MEITU, có số IMEI: 861988036188187, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0979924672, seri sim 8984048000047629531, tình trạng máy: đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A

Ngoài ra bản án còn quyết định xử lý vật chứng liên quan đến vụ án và tuyên phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/12/2019 bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và kháng cáo bổ sung yêu cầu được trả lại hai chiếc điện thoại di động bị thu giữ.

Phần kết luận tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tóm tắt nội dung vụ án, phân tích đánh giá tính chất vụ án, các nội dung liên quan đến kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H. Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 87/2019/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên về phần xử lý vật chứng, trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại Iphone XS Max và tịch thu sung quỹ chiếc điện thoại nhãn hiệu Meitu, giữ nguyên phần quyết định về tội danh và mức hình phạt mà tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H trong luận cứ của mình cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã quy buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm với cả số tiền 61 triệu đồng là chưa hợp lý, thực tế bị cáo chỉ được H lợi 53 triệu đồng. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, số tiền chiếm đoạt trên mức khởi điểm một chút, mức án 42 tháng tù là quá nặng. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 24 tháng đến 30 tháng tù. Về xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử trả lại bị cáo chiếc điện thoại Iphone XS Max.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư không tranh luận gì thêm, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo H làm trong hạn luật định được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo và các bị cáo khác tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn H, mặc dù không có khả năng tổ chức đưa

được người đi Đài Loan trái phép, nhưng do muốn chiếm đoạt tiền của L nên H vẫn đưa ra thông tin là có khả năng đưa người đi được. Trong tháng 11/2018, khi được L nhờ đưa 07 người sang Đài Loan trái phép H đã yêu cầu L chuyển tiền làm visa, tiền đặt cọc 03 lần với tổng số là 61.000.000đ (sáu mươi một triệu). Sau khi được L chuyển tiền, H đã chuyển cho Nguyễn Phúc D số tiền 8.000.000đ để làm visa cho 07 người với mục đích là để tạo lòng tin với L, sau khi D làm xong visa, thì H không lấy visa, không đón người, đồng thời đã cắt liên lạc với L và chiếm đoạt số tiền trên.

Với hành vi trên Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo từ đó đưa ra mức án 42 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo không xuất trình thêm tài liệu, căn cứ gì mới cho yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đối với kháng cáo bổ sung yêu cầu trả lại hai chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 24/02/2020, gia đình bị cáo cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy tờ mua bán chiếc điện thoại Iphone XS Max mua tại cửa hàng điện thoại Hồng Ngọc, địa chỉ 14B, Đ Hữu Nghị, phường Sao Đỏ, thị xã CL, tỉnh Hải Dương vào ngày 27/3/2019 là thời điểm sau khi bị cáo phạm tội. Đồng thời quá trình điều tra chưa làm rõ bị cáo có sử dụng chiếc điện thoại này vào việc thực hiện hành vi phạm tội hay không do đó có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Chiếc điện thoại Meitu bị cáo không cung cấp được giấy tờ chứng minh và khai có sử dụng chiếc điện thoại Meitu để liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu để sung quỹ nhà nước.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ chấp nhận, đề nghị của luật sư bào chữa cho bị cáo Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H về phần xử lý vật chứng, sửa bản án sơ thẩm.

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 56 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) 42 (bốn mươi hai) tháng tù. Tổng hợp với 09 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam” theo khoản 1 Điều 386 Bộ luật hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 535/2019/HSST ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 51 (Năm mươi một) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2019. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giữ để thi hành án: 01 (một) điện thoại di động tạm giữ của Nguyễn Văn H, nhãn hiệu IPHONE XS Max màu vàng, đã qua sử dụng, có 02 số IMEI: 358734092858085 và 358734093200659, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao: 0866670003, seri sim: 8984048000049943418 và số thuê bao: 0971978020, seri sim: 8984048000047629532, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A; Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 (một) điện thoại di động màu da cam tạm giữ của Nguyễn Văn H, nhãn hiệu MEITU, có số IMEI: 861988036188187, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0979924672, seri sim 8984048000047629531, tình trạng máy: đã qua sử dụng, được niêm phong trong bì thư ký hiệu A

3. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí. Bị cáo Nguyễn Văn H (tên gọi khác: Phạm Thanh T) không pH4 chịu án phí hình sự phúc thẩm

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh; Sở TP;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Công an huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Trại Tạm giam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Anh Dân